

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 02/8/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	Phạm Đức Anh	Nam	06/10/1992	Nghệ An	Kinh	040092024895	8.0	9.0	1842/QĐ370/2026	TH016733	05/8/2026	
2	Lô Thị Dung	Nữ	08/01/1996	Nghệ An	Thái	040196025348	6.3	7.0	1843/QĐ370/2026	TH016734	05/8/2026	
3	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	30/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304022167	5.0	6.5	1844/QĐ370/2026	TH016735	05/8/2026	
4	Đặng Thị Hậu	Nữ	09/02/1993	Nghệ An	Kinh	040193028382	6.0	6.5	1845/QĐ370/2026	TH016736	05/8/2026	
5	Nguyễn Xuân Lâm	Nam	20/10/2001	Nghệ An	Kinh	040201013544	7.0	9.0	1846/QĐ370/2026	TH016737	05/8/2026	
6	Lê Thị Khánh Ngọc	Nữ	15/9/2000	Hà Tĩnh	Kinh	042300013516	6.0	7.5	1847/QĐ370/2026	TH016738	05/8/2026	
7	Thái Thị Phương	Nữ	27/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304020380	6.0	7.5	1848/QĐ370/2026	TH016739	05/8/2026	
8	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	22/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304004937	6.3	7.5	1849/QĐ370/2026	TH016740	05/8/2026	
9	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	30/7/1999	Nghệ An	Kinh	040199006167	6.0	7.5	1850/QĐ370/2026	TH016741	05/8/2026	
10	Nguyễn Đình Thiện	Nam	20/3/1994	Hà Tĩnh	Kinh	042094000436	6.7	9.0	1851/QĐ370/2026	TH016742	05/8/2026	
11	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	17/12/2001	Nghệ An	Kinh	040301015248	7.0	7.5	1852/QĐ370/2026	TH016743	05/8/2026	
12	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	14/12/2004	Nghệ An	Kinh	040204007198	6.0	8.5	1853/QĐ370/2026	TH016744	05/8/2026	
13	Lê Thị Kiều Trinh	Nữ	09/5/2004	Nghệ An	Thái	040304014369	6.3	6.5	1854/QĐ370/2026	TH016745	05/8/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
14	Bùi Thị Cẩm Tú	Nữ	23/12/1999	Nghệ An	Kinh	040199004982	6.0	9.0	1855/QĐ370/2026	TH016746	05/8/2026	
15	Lê Sỹ Tuấn	Nam	27/7/2004	Nghệ An	Kinh	040204004312	5.7	6.5	1856/QĐ370/2026	TH016747	05/8/2026	
16	Nguyễn Công Vinh	Nam	26/7/2004	Nghệ An	Kinh	040204023771	5.0	6.5	1857/QĐ370/2026	TH016748	05/8/2026	
17	Phan Văn An	Nam	28/3/2003	Nghệ An	Kinh	040203027983	6.7	8.0	1858/QĐ370/2026	TH016749	05/8/2026	
18	Lang Nguyễn Ngọc Bé	Nữ	26/6/2004	Nghệ An	Thái	040304006890	6.7	7.5	1859/QĐ370/2026	TH016750	05/8/2026	
19	Lang Thị Linh Chi	Nữ	21/12/2004	Nghệ An	Thái	040304028370	6.3	8.0	1860/QĐ370/2026	TH016751	05/8/2026	
20	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	15/4/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304009568	6.0	7.5	1861/QĐ370/2026	TH016752	05/8/2026	
21	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	01/7/2002	Nghệ An	Kinh	040302021346	6.3	7.0	1862/QĐ370/2026	TH016753	05/8/2026	
22	Nguyễn Đức Kính	Nam	16/4/1989	Nghệ An	Kinh	040089018173	5.3	7.5	1863/QĐ370/2026	TH016754	05/8/2026	
23	Nguyễn Thị Mai Liên	Nữ	15/3/1992	Nghệ An	Kinh	040192002647	6.7	9.0	1864/QĐ370/2026	TH016755	05/8/2026	
24	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	23/11/2000	Nghệ An	Kinh	040300019518	6.7	9.0	1865/QĐ370/2026	TH016756	05/8/2026	
25	Nguyễn Thúy Ngân	Nữ	28/3/2002	Hà Tĩnh	Kinh	042302001263	6.3	7.5	1866/QĐ370/2026	TH016757	05/8/2026	
26	Phạm Thị Thùy Nhung	Nữ	27/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304021191	7.3	6.0	1867/QĐ370/2026	TH016758	05/8/2026	
27	Lê Nguyễn Đan Quý	Nữ	22/10/1993	Nghệ An	Kinh	040193042961	6.3	8.0	1868/QĐ370/2026	TH016759	05/8/2026	
28	Nguyễn Hồ Quyết	Nam	22/3/2004	Nghệ An	Kinh	040204003052	6.7	7.5	1869/QĐ370/2026	TH016760	05/8/2026	
29	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	03/8/1982	Nghệ An	Kinh	040082002070	6.3	8.5	1870/QĐ370/2026	TH016761	05/8/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
30	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	22/6/2004	Nghệ An	Kinh	040304027459	7.0	8.5	1871/QĐ370/2026	TH016762	05/8/2026	
31	Vũ Mạnh Thế	Nam	26/4/1986	Nghệ An	Kinh	040086004036	7.0	8.5	1872/QĐ370/2026	TH016763	05/8/2026	
32	Trần Thị Thương	Nữ	29/9/1987	Nghệ An	Kinh	040187004502	6.3	8.0	1873/QĐ370/2026	TH016764	05/8/2026	
33	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	24/4/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304010739	5.3	8.0	1874/QĐ370/2026	TH016765	05/8/2026	
34	Nguyễn Thị Thương	Nữ	23/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304011281	6.0	8.0	1875/QĐ370/2026	TH016766	05/8/2026	
35	Lê Thị Thúy	Nữ	23/5/1996	Nghệ An	Kinh	040196024775	7.0	6.5	1876/QĐ370/2026	TH016767	05/8/2026	
36	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	19/5/2000	Hà Tĩnh	Kinh	042200009457	7.3	8.5	1877/QĐ370/2026	TH016768	05/8/2026	
37	Tô Thị Thúy Vân	Nữ	10/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304005821	5.0	7.5	1878/QĐ370/2026	TH016769	05/8/2026	
38	Hoàng Thị Như Vinh	Nữ	20/3/2002	Quảng Trị	Kinh	044302002909	5.7	6.5	1879/QĐ370/2026	TH016770	05/8/2026	

